

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh phúc**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý nghiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc vào Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là căn cứ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nhà trường; đồng thời là căn cứ xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng lao động của cán bộ, giảng viên, giáo viên và nhân viên với chức năng nhiệm vụ được phân công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Phó Hiệu trưởng, Trưởng, phó các phòng, khoa, trung tâm căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Vũ Tuyền

Phú Thọ, ngày...tháng 3 năm 2026

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-CDKTCN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác quản lý, triển khai thực hiện và cơ chế thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. Công nghệ là tập hợp các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bao gồm cả bí quyết, được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

3. Đổi mới sáng tạo là hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

4. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

- a) Nghiên cứu cơ bản;
 - b) Nghiên cứu ứng dụng;
 - c) Phát triển công nghệ; phát triển giải pháp xã hội;
 - d) Sản xuất thử nghiệm;
 - đ) Ứng dụng, chuyển giao công nghệ;
 - e) Đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ;
 - g) Khởi nghiệp sáng tạo;
 - h) Cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
 - i) Hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác.
5. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là hình thức tổ chức công

việc để giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Nghiên cứu cơ bản là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

7. Nghiên cứu ứng dụng là hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng tri thức khoa học để tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, đời sống kinh tế - xã hội.

8. Phát triển công nghệ là quá trình vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm để thiết kế, thử nghiệm, hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình kỹ thuật nhằm tạo ra công nghệ mới hoặc cải tiến công nghệ, phù hợp với điều kiện ứng dụng thực tiễn.

9. Phát triển giải pháp xã hội là việc phát triển, triển khai sáng kiến hoặc giải pháp mới nhằm giải quyết hiệu quả và bền vững vấn đề xã hội, cộng đồng và môi trường góp phần tạo ra giá trị xã hội.

10. Sản xuất thử nghiệm là việc sản xuất thử sản phẩm mới trong điều kiện sản xuất thực tế nhằm kiểm soát chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa trước khi triển khai sản xuất thương mại.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ

1. Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc là cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm chất lượng cao, đào tạo nhân lực kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ; đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh và phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu về nhân lực của tỉnh Phú Thọ và của cả nước. Vì vậy, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST) là một trong các nhiệm vụ hàng đầu, mang tính bắt buộc đối với cán bộ, giảng viên, giáo viên và HSSV của nhà trường.

2. Nghiên cứu khoa học kết hợp đào tạo nguồn nhân lực và sản xuất kinh doanh phục vụ trực tiếp nhu cầu của doanh nghiệp, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao khả năng thương mại hóa sản phẩm KH&CN. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

3. Thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng *“Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội”* góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

4. Xã hội hóa các kết quả nghiên cứu nhằm thực hiện đổi mới trong giáo dục và đóng góp với địa phương trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về KH&CN&ĐMST.

6. Bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên, giáo viên.

7. Giúp học sinh, sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước.

Điều 5. Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ) bao gồm: nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu ứng dụng; phát triển công nghệ; phát triển các giải pháp xã hội.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về đổi mới sáng tạo (nhiệm vụ đổi mới sáng tạo) bao gồm: ứng dụng, chuyển giao công nghệ; đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ; khởi nghiệp sáng tạo và các nhiệm vụ khác.

3. Ứng dụng các thành tựu khoa học, phát triển kỹ thuật, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm KH&CN.

4. Biên soạn giáo trình đào tạo, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách phổ biến kiến thức, tạp chí khoa học.

5. Tổ chức viết sáng kiến khoa học, sáng tạo các giải pháp kỹ thuật thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, cải tiến kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội.

6. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng thiết bị đào tạo tự làm.

7. Tham gia hội nghị, hội thảo, hội đồng, phản biện các công trình nghiên cứu KH&CN.

8. Thực hiện dịch vụ KH&CN bao gồm tư vấn, thẩm định, thông tin, đào tạo, bồi dưỡng, ...

9. Tổ chức triển khai viết bài báo công bố trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước ban hành, nộp bản báo cáo danh mục các bài báo khoa học của các cá nhân trong đơn vị về phòng QLKH&HTQT để theo dõi và quản lý.

Điều 6. Yêu cầu đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Yêu cầu chung:

a) Có mục tiêu, tính khả thi về nội dung, phương pháp thực hiện, kế hoạch triển khai, kết quả dự kiến, kinh phí và thời gian thực hiện.

b) Nội dung không trùng lặp với các nhiệm vụ đã phê duyệt, phù hợp với thông báo đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nhà trường.

c) Phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của nhà trường, ứng dụng thực tiễn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương.

2. Yêu cầu cụ thể:

a) Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản: có tính mới, tính sáng tạo, có khả năng tạo ra tri thức khoa học mới, góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; áp dụng phương pháp nghiên cứu tiên tiến; có kết quả công bố trên các ấn phẩm trong nước và quốc tế.

b) Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng: có tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học, có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh

doanh, xây dựng chính sách, có ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Nhiệm vụ phát triển công nghệ: góp phần tạo ra công nghệ có tính mới, tính sáng tạo, phù hợp với xu thế công nghệ trong nước và quốc tế, có khả năng ứng dụng sản xuất thử sản phẩm mới trong điều kiện sản xuất thực tế nhằm kiểm soát chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa trước khi triển khai sản xuất thương mại; có doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; có khả năng huy động kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện.

d) Nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội phải xuất phát từ nhu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương, vùng, quốc gia, hoặc phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực; kết quả đóng góp về lý luận, học thuật; góp phần đề xuất các giải pháp, chính sách, pháp luật, mô hình, quy trình, phương thức tổ chức, quản lý có tính đột phá, đổi mới và khả năng ứng dụng cao; có tổ chức tiếp nhận, ứng dụng.

e) Nhiệm vụ đổi mới công nghệ phải bảo đảm tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với công nghệ hiện có; kèm theo các chỉ tiêu kỹ thuật, kinh tế cụ thể và khả năng đưa vào ứng dụng; và phải có một trong các hoạt động sau:

- Thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng công nghệ mới, tiên tiến hoặc công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, sinh thái;

- Làm chủ, nội địa hóa công nghệ cốt lõi hoặc quan trọng, giảm phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu; có khả năng nhân rộng trong ngành, lĩnh vực;

- Có hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết hợp pháp về chuyển giao công nghệ; bên nhận chuyển giao công nghệ có phương án phù hợp để tiếp nhận, làm chủ và phát triển sản phẩm trên nền công nghệ được chuyển giao; trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ phải chứng minh theo quy định pháp luật.

f) Đối với nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ngành, lĩnh vực, địa phương;

- Kết quả, sản phẩm được áp dụng hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn, có tính bền vững và có khả năng duy trì, nhân rộng sau khi nhiệm vụ kết thúc;

- Đánh giá đầy đủ hiện trạng dây chuyền, thiết bị, quy trình sản xuất; xác định nút thắt, hạn chế và mục tiêu cải tiến; đề xuất giải pháp tối ưu hóa;

- Lập và triển khai kế hoạch nâng cấp, đổi mới, hiện đại hóa thiết bị; áp dụng tự động hóa, công nghệ số và hệ thống quản trị tiên tiến;

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và công cụ cải tiến năng suất; có chỉ số đo lường hiệu suất chủ chốt trước và sau can thiệp;

- Thực hiện giải pháp kỹ thuật, quản lý và phát triển nhân lực nhằm khai thác tối đa năng lực công nghệ, giảm chi phí, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kỹ năng về vận hành, bảo dưỡng và cải tiến liên tục cho đội ngũ liên quan;

- Sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ là kết quả các hoạt động đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác, định giá, phát triển quyền sở hữu trí tuệ, bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực về sở hữu trí tuệ và nâng cao hiệu quả thực thi, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

g) Đối với nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo:

- Có giải pháp thu hút chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Có giải pháp huy động hoặc tối ưu hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức quốc tế, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;

- Có giải pháp nâng cao năng lực, tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở cấp địa phương, quốc gia, kết nối quốc tế;

- Có đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tác hỗ trợ về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, marketing, kết nối đầu tư;

- Có giải pháp hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Các nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên xem xét:

a) Các kết quả nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của nhà trường.

b) Các kết quả nghiên cứu có sự ảnh hưởng lớn đến phát triển xã hội hoặc thúc đẩy phát triển tiềm lực KH&CN của ngành, lĩnh vực của tỉnh, ngành, địa phương.

c) Các vấn đề khoa học có huy động thêm nguồn lực KH&CN (nhân lực, nguồn lực tài chính, năng lực tổ chức nghiên cứu) ngoài kinh phí sự nghiệp KH&CN của nhà trường.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM

TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 7. Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp

a) Đối với các nhiệm vụ KH&CN&ĐMST cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh do Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc chủ trì nghiên cứu, Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm nộp toàn bộ sản phẩm và Quyết định công nhận hoàn thành đề tài về phòng QLKH&HTQT để quản lý về khoa học.

b) Đối với các nhiệm vụ KH&CN&ĐMST cấp cơ sở do nhà trường quản lý, hằng năm phòng QLKH&HTQT xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra và đánh giá nghiệm thu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Đối với các nhiệm vụ KH&CN&ĐMST hợp đồng với bên ngoài, sau khi hoàn tất

thủ tục nghiệm thu chính thức, Chủ nhiệm đề tài có nhiệm vụ giao nộp các minh chứng hoàn thành đề tài và sản phẩm nghiên cứu cuối cùng cho phòng QLKH&HTQT để theo dõi và quản lý.

Các nhiệm vụ KHCN&ĐMST sau khi hoàn thiện phải nộp 01 bản sản phẩm cuối cùng cho thư viện để làm tài liệu tham khảo.

2. Quản lý các hoạt động khác

a) Đối với hội nghị, hội thảo:

Phòng QLKH&HTQT tổ chức và quản lý các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài trường.

b) Đối với công tác biên soạn giáo trình đào tạo:

Phòng QLKH&HTQT căn cứ vào các quy định của Nhà nước về xây dựng giáo trình đào tạo và tình hình thực tế của nhà trường để xây dựng kế hoạch biên soạn và chỉnh sửa giáo trình phục vụ công tác đào tạo (thực hiện theo Quy trình hiện hành về biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo).

c) Đối với việc viết bài báo khoa học, viết sáng kiến khoa học

Hằng năm, các đơn vị có trách nhiệm nộp bản báo cáo danh mục các bài báo khoa học, sáng kiến khoa học của các cá nhân trong đơn vị về cho phòng QLKH&HTQT để theo dõi và quản lý.

Điều 8. Các tổ chức, đơn vị trực tiếp giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hiệu trưởng (hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền) là người đại diện nhà trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động KHCN&ĐMST, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KHCN&ĐMST được cơ quan cấp trên ủy quyền hoặc phân cấp theo quy định.

2. Hội đồng khoa học của nhà trường do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, có trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng về những vấn đề liên quan đến hoạt động KHCN&ĐMST của nhà trường.

3. Các phòng, khoa, trung tâm có trách nhiệm quản lý, tổ chức, phối hợp và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST được giao. Trưởng các phòng, khoa, trung tâm trực tiếp đôn đốc, giám sát, chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn các vấn đề KHCN&ĐMST và các cá nhân thuộc diện quản lý của đơn vị.

4. Phòng QLKH&HTQT là đơn vị chủ trì trong hoạt động KHCN&ĐMST có nhiệm vụ tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động KHCN&ĐMST. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kế hoạch, hoạt động, chất lượng, hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST trong nhà trường bao gồm:

a) Tổ chức xây dựng và định hướng phát triển hoạt động KHCN&ĐMST, các quy định, quy chế về quản lý KHCN&ĐMST của nhà trường;

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN&ĐMST của nhà trường;

c) Tổ chức quản lý, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST theo quy định hiện hành; giới thiệu các thành tựu

KHCN&ĐMST, quản lý các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

d) Tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động KHCN&ĐMST định kỳ hằng năm và 5 năm; thực hiện chế độ báo cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm theo quy định hiện hành;

e) Phối hợp với các đơn vị trong trường để giải quyết các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động KHCN&ĐMST.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN

Điều 9. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của giảng viên

Tham gia hoạt động KHCN&ĐMST là nhiệm vụ bắt buộc của các giảng viên, giáo viên cơ hữu; các cán bộ quản lý tham gia giảng dạy (sau đây gọi chung là giảng viên) của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST thông qua các hoạt động:

1. Chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST các cấp (Cấp trường, tỉnh, Bộ, Nhà nước hoặc tương đương) từ các nguồn kinh phí (trong nước, ngoài nước); phát triển và chuyển giao công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, thực hiện các hợp đồng khoa học công nghệ;

2. Nghiên cứu phục vụ giảng dạy, đào tạo của nhà trường; biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo; Chủ trì hoặc tham gia xây dựng thiết bị đào tạo tự làm; công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học; tham gia các Hội đồng về KHCN&ĐMST các cấp; cố vấn khoa học cho sinh viên tham gia hoạt động KHCN&ĐMST.

3. Chủ trì, tham gia viết sáng kiến khoa học, các giải pháp sáng tạo kỹ thuật về KHCN&ĐMST.

Điều 10. Trách nhiệm của giảng viên khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của nhà trường về KHCN&ĐMST.

2. Hoàn thành nhiệm vụ được giao và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định hiện hành, chịu trách nhiệm cá nhân về mặt học thuật đối với các kết quả nghiên cứu đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về tài chính, sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và các quy định khác.

3. Được quyền ký hợp đồng KHCN&ĐMST với các tổ chức, cơ quan, cá nhân trong và ngoài trường theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật; tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước theo quy định. Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm cho đơn vị quản lý.

4. Khuyến khích thành lập các nhóm nghiên cứu đa ngành và liên ngành, các nhóm có quyền mời các chuyên gia ngoài trường (trong nước và ngoài nước) cùng tham gia.

Điều 11. Quyền lợi của giảng viên khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.
2. Được bảo hộ bản quyền về kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.
3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST là căn cứ để xét khen thưởng, phong tặng các danh hiệu thi đua.
4. Được sử dụng các thiết bị, mô hình nghiên cứu, dụng cụ phân tích mà nhà trường và các đơn vị chuyên môn có để nghiên cứu trên cơ sở tôn trọng và chấp hành các quy định về sử dụng trang thiết bị mô hình nghiên cứu và dụng cụ phân tích.
5. Được hưởng chế độ theo các quy định hiện hành.

Chương IV

**TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Điều 12. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Kế hoạch KHCN&ĐMST của trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc được xây dựng hàng năm và 5 năm trên cơ sở định hướng, mục tiêu phát triển KHCN&ĐMST của nhà trường. Các đơn vị, cá nhân căn cứ trên cơ sở này để xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN&ĐMST của đơn vị mình.
2. Kế hoạch KHCN&ĐMST của trường bao gồm: Nhiệm vụ cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp trường và nhiệm vụ nghiên cứu triển khai theo hợp đồng với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong ngoài trường.

Điều 13. Nội dung kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nội dung kế hoạch KHCN&ĐMST hàng năm và 5 năm bao gồm:

1. Nhiệm vụ KHCN&ĐMST các cấp.
2. Kỹ thuật tiến bộ và chuyển giao công nghệ.
3. Đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu KHCN&ĐMST.
4. Hợp tác quốc tế về KHCN&ĐMST.
5. Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN.
6. Thông tin khoa học và công nghệ.
7. Nghiên cứu khoa học của sinh viên.
8. Kế hoạch tài chính cho hoạt động thông tin.
9. Tổ chức viết sáng kiến khoa học, xây dựng các giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự các Hội thi khoa học kỹ thuật các cấp.
10. Tổ chức thiết kế, chế tạo các thiết bị đào tạo tự làm tham dự Hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp.
11. Nhiệm vụ nghiên cứu triển khai theo hợp đồng.

Điều 14. Tổ chức triển khai, đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp trường

1. Đăng ký và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

a) Việc đăng ký, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cần tuân thủ đúng theo quy trình đề xuất, xét duyệt, nghiệm thu và thanh toán theo quy định hiện hành của nhà trường.

b) Hàng năm, theo hướng dẫn của phòng QLKH&HTQT các cán bộ, giáo viên, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN; học sinh, sinh viên (HSSV) đăng ký đề tài ở Khoa, Khoa có trách nhiệm hướng dẫn HSSV xây dựng thuyết minh theo mẫu quy định. Các khoa lập danh sách đề xuất nhiệm vụ KH&CN, người thực hiện gửi kèm theo các thuyết minh nhiệm vụ KH&CN về phòng QLKH&HTQT.

c) Căn cứ vào kinh phí, ý kiến tư vấn của các địa phương, các doanh nghiệp liên kết, liên doanh với trường, đề án phát triển khoa học công nghệ của các đơn vị, danh mục các đề tài do các đơn vị đề xuất, Hội đồng Khoa học nhà trường thẩm định và công khai danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp trường được phê duyệt.

d) Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có triển vọng, có mục tiêu, địa chỉ ứng dụng, phương pháp nghiên cứu và sản phẩm rõ ràng.

e) Trước khi duyệt đề tài phải có ý kiến thẩm định về phương pháp nghiên cứu, kinh phí thực hiện của Hội đồng Khoa học nhà trường.

f) Đối với những đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh: Hàng năm phòng QLKH&HTQT gửi các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN cho các đơn vị. Các đơn vị triển khai và gửi danh sách đăng ký đã được xét duyệt, hồ sơ đăng ký theo mẫu; Hội đồng Khoa học nhà trường thẩm định, phê duyệt và trình cơ quan liên quan. Sau khi được các cấp chủ trì nhiệm vụ KH&CN phê chuẩn, chủ nhiệm đề tài ký hợp đồng triển khai nhiệm vụ với cơ quan có thẩm quyền hoặc với Hiệu trưởng.

2. Đánh giá nghiệm thu, công nhận, đăng ký và thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo tiến độ định kỳ 4 tháng 1 lần bằng văn bản gửi về phòng QLKH&HTQT. Những nhiệm vụ KH&CN có thời hạn thực hiện từ 2 năm trở lên phải có báo cáo giữa kỳ và được nghiệm thu đánh giá giữa kỳ. Nhà trường có thể tiến hành kiểm tra đột xuất nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại các địa điểm nghiên cứu.

b) Trường hợp cần điều chỉnh nội dung, tiến độ, kinh phí thì chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải có ý kiến bằng văn bản gửi phòng QLKH&HTQT. Mức độ điều chỉnh do phòng QLKH&HTQT thẩm định, xác nhận và đề nghị Hiệu trưởng quyết định.

c) Kết thúc thời hạn thực hiện nhiệm vụ KH&CN, căn cứ đề nghị của phòng QLKH&HTQT, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu:

- Hội đồng nghiệm thu có từ 05 - 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác.

- Căn cứ vào các kết quả thực hiện, nhiệm vụ KH&CN được tiến hành trên cơ sở

quyết định, thuyết minh, hợp đồng đã được phê duyệt và các văn bản, tài liệu, sản phẩm có liên quan trong quá trình thực hiện để Hội đồng tư vấn, đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ KH&CN.

d) Hội đồng thảo luận, chấm điểm và đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN theo 3 loại: "Xuất sắc", "Đạt", "Không đạt". Trường hợp nhiệm vụ KH&CN được đánh giá xếp loại "Không đạt", Hội đồng cần xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để xử lý theo quy định hiện hành. Thư ký khoa học tổng hợp, công khai kết quả đánh giá và thông qua biên bản làm việc.

Số điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu. Căn cứ vào số điểm, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được xếp loại như sau:

- Loại "Xuất sắc" có số điểm từ 90 đến 100 điểm
- Loại "Đạt" có số điểm từ 70 đến dưới 90 điểm.
- Loại "Không đạt" có số điểm dưới 70 điểm.

e) Trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả của nhiệm vụ KH&CN.

f) Các chương trình, đề tài, dự án, các nhiệm vụ KH&CN đã được đánh giá và nghiệm thu phải đăng ký kết quả nghiên cứu theo những quy định hiện hành. Nộp báo cáo kết quả nghiên cứu lưu trữ theo quy định.

Điều 15. Tổ chức triển khai viết và công nhận sáng kiến

1. Quy định chung về sáng kiến

a) Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp, quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) được Nhà trường công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có tính mới;
- Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại các đơn vị trong nhà trường và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực.

b) Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến: Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội; Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm kiểm xét công nhận sáng kiến.

c) Một giải pháp được coi là tính mới đối với nhà trường nếu tính đến trước này nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Không trùng lặp với nội dung các giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước.
- Chưa công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật.
- Không trùng với các giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

d) Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp

dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (giảm chi phí hoạt động; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, phục vụ đào tạo) hoặc lợi ích xã hội (cải thiện đời sống; bảo vệ môi trường; an toàn lao động)

e) Phổ biến sáng kiến: Nhà trường có trách nhiệm phổ biến sáng kiến trong và ngoài phạm vi, trường hợp sáng kiến có giá trị về kỹ thuật chủ nhiệm sáng kiến sẽ được hướng dẫn đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung sáng kiến

Nội dung sáng kiến là tạo ra hoặc cải tiến giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

a) Giải pháp kỹ thuật, bao gồm:

- Cải tiến, làm mới hoặc gia công phương tiện, thiết bị, đồ dùng phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập ...

- Cải tiến tính năng, công dụng, thành phần của nguyên liệu, vật liệu hoặc sản phẩm (thực phẩm, giống cây trồng, chế phẩm sinh học ...).

- Cải tiến các quy trình công nghệ, kỹ thuật.

b) Giải pháp quản lý, bao gồm:

- Phương pháp tổ chức (bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu ...)

- Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), hành chính, sự nghiệp ...

c) Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong công việc kinh doanh (sản xuất thương mại, dịch vụ), trong công tác quản lý hành chính, sự nghiệp trong đó bao gồm:

- Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu, công tác hành chính, giáo vụ ...).

- Xây dựng đề án tổ chức hoặc động, đề án thành lập tổ chức, đơn vị mới; xây dựng quy chế, quy định nội bộ, quy trình giải quyết công việc.

- Phương pháp giảng dạy, huấn luyện.

- Phương pháp thẩm định, giám định giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả giảng dạy, học tập.

- Phương pháp quản lý các hoạt động ngoại khóa, hoạt động đoàn thể, hoặc động của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, hoạt động thư viện, hoạt động thực hành, thực tập, thí nghiệm cho HSSV, quản lý tài sản...

d) Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bí quyết là áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã viết vào thực tiễn.

3. Tiêu chuẩn công nhận sáng kiến:

a) Tiêu chuẩn công nhận sáng kiến:

- Tính mới: Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước; Chưa công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật; Không trùng với các giải pháp của người khác đã áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp

dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến; Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện

- Tính ứng dụng: phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, đơn vị và nhà trường; phù hợp với điều kiện thực hiện của đơn vị và nhà trường tại thời điểm đăng ký; đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng đem lại lợi ích thiết thực.

- Tính hiệu quả: Giải pháp được coi là mang lại lợi ích thiết thực cho đơn vị, nhà trường nếu khi áp dụng giải pháp đó mang lại hiệu quả kinh tế, kỹ thuật hoặc lợi ích xã hội so với tình trạng kỹ thuật hoặc sản xuất của đơn vị, nhà trường trước khi áp dụng giải pháp (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống, điều kiện bảo vệ sức khỏe, nâng cao an toàn lao động ...). Giải pháp đó phải được định lượng cụ thể (có cơ sở khoa học) theo các tiêu chí sau: Tăng năng suất lao động (số % tăng lên, căn cứ xác định); Nâng cao chất lượng sản phẩm (thông số, số liệu cụ thể, căn cứ để xác định); Nâng cao hiệu quả công tác (giá trị cụ thể, căn cứ để xác định); Nâng cao khả năng, trình độ nhận thức (cơ sở để kiểm tra, xác định). Các tiêu chí khác được định lượng có cơ sở khoa học xác định.

3. Công nhận sáng kiến:

a) Thẩm định sáng kiến:

- Đánh giá sáng kiến: Tác giả sáng kiến gửi văn bản thể hiện nội dung sáng kiến về phòng QLKH&HTQT tổng hợp và trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định. Tác giả sáng kiến thống nhất với Hội đồng thẩm định (thông qua Thư ký được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền) thời gian, địa điểm, vật liệu cần thiết tổ chức thẩm định sáng kiến.

- Thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm tối thiểu 05 thành viên: 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch; 02 Ủy viên phản biện, 01 thư ký và một số thành viên khác có liên quan, đại diện đơn vị có sáng kiến. Thành viên Hội đồng là những nhà khoa học, giảng viên, giáo viên có trình độ, kinh nghiệm, uy tín thuộc lĩnh vực sáng kiến cần thẩm định.

b) Công nhận sáng kiến:

- Tính mới: tối đa 30 điểm;

- Khả năng áp dụng, nhân rộng: tối đa 30 điểm

- Khả năng mang lại lợi ích kinh tế - xã hội: tối đa 40 điểm;

- Sáng kiến được công nhận đạt 50/100 điểm trở lên và không có tiêu chí nào 0 điểm.

Điều 16. Hỗ trợ công bố các bài báo khoa học

1. Hàng năm cán bộ, giảng viên, giáo viên tổng hợp số lượng các bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước công bố (02 đợt vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm).

2. Phòng QLKH&HTQT tiến hành phân loại các bài báo dựa trên tài liệu do Hội đồng Giáo sư Nhà nước ban hành thường niên; tư vấn mức hỗ trợ kinh phí cho từng bài báo dựa theo Quy chế Chi tiêu nội bộ hiện hành.

3. Điều kiện của bài báo xin hỗ trợ: bài báo phải có tên của nhà trường (ghi cụ thể là: Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc, hoặc ghi là: Vinh Phuc College of Engineering & Technology); thời gian năm công bố của bài báo phải là năm hiện tại hoặc của một năm liền kề trước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều 17. Biện pháp thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Ngoài các biện pháp thúc đẩy và khuyến khích hoạt động KHCN&ĐMST được nêu trong quy định này và các Quy định liên quan, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc còn áp dụng một số biện pháp nhằm khuyến khích các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động KHCN&ĐMST:

1. Các phòng, khoa, trung tâm của nhà trường (sau đây gọi chung là đơn vị) và các giảng viên tham gia nghiên cứu KHCN&ĐMST có trách nhiệm tham gia xây dựng dự án và đấu thầu các đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN trong nước và quốc tế theo lĩnh vực chuyên môn của đơn vị. Thành tích hoạt động nghiên cứu KHCN&ĐMST là một tiêu chí thi đua khen thưởng và phân bổ kinh phí của trường cho đơn vị và cá nhân tham gia nghiên cứu.

2. Nhà trường tổ chức Hội nghị, Hội thảo khoa học mỗi năm ít nhất một lần cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, HSSV trong nhà trường

3. Nhà trường sử dụng một phần kinh phí hoạt động của trường để khuyến khích nghiên cứu KHCN&ĐMST.

4. Khuyến khích các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ tư vấn với các cơ quan, doanh nghiệp, dự án ngoài trường, nhưng phải đăng ký với nhà trường sau khi đã được sự đồng ý của đơn vị.

Điều 18. Quản lý hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Các hoạt động nghiên cứu KHCN&ĐMST của đơn vị, cá nhân được thực hiện dưới hình thức hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài trường gọi tắt là hợp đồng nghiên cứu KHCN&ĐMST do nhà trường thống nhất quản lý. Hợp đồng gốc được lưu giữ tại phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng QLKH&HTQT.

Điều 19. Quản lý tài chính hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhiệm vụ KHCN&ĐMST có kinh phí từ 10 triệu đồng trở lên phải có thư ký giúp chủ nhiệm nhiệm vụ theo dõi tiến độ thực hiện, thanh quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành và theo yêu cầu của cơ quan tài trợ.

2. Nhiệm vụ KHCN&ĐMST ngoài trường có trách nhiệm đóng góp 5% kinh phí (không tính phần kinh phí mua sắm trang thiết bị) vào nguồn thu sự nghiệp và chỉ được sử dụng cho hoạt động nghiên cứu KHCN&ĐMST của nhà trường.

3. Kinh phí:

- Nhiệm vụ KHCN&ĐMST cấp tỉnh, cấp Bộ (tương đương) do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhiệm vụ KHCN&ĐMST cấp trường thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường và được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 20. Sử dụng kết quả, sản phẩm của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST sử dụng ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ KH&CN và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

(nếu có).

Điều 21. Khen thưởng

1. Chấp hành nghiêm quy định về quản lý hoạt động KHCN&ĐMST là một trong các chỉ tiêu đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng đối với cán bộ viên chức và các đơn vị trong toàn trường (nâng lương, nâng ngạch, đề bạt, cử đi đào tạo, bồi dưỡng, cấp kinh phí nghiên cứu KHCN&ĐMST, xét thi đua khen thưởng...).

2. Giảng viên có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế, tạp chí khoa học của trường đại học hàng đầu thế giới; có công trình được ứng dụng trong thực tế sản xuất, có bằng sáng chế, phát minh được khen thưởng theo quy định hiện hành.

3. Kết quả hoạt động nghiên cứu KHCN&ĐMST của cá nhân, đơn vị là một trong những căn cứ giao nhiệm vụ và phân bổ kinh phí của nhà trường cho hoạt động nghiên cứu KHCN&ĐMST của cá nhân, đơn vị đó trong năm tiếp theo.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể không hoàn thành nhiệm vụ KHCN&ĐMST, vi phạm Quy định về hoạt động KHCN&ĐMST, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Hiệu trưởng nhà trường có các hình thức xử lý kỷ luật thích hợp.

2. Những hoạt động KHCN&ĐMST không được nghiệm thu sẽ xử lý theo một trong hai hướng sau:

a. Cho phép kéo dài không quá 6 tháng để hoàn thiện và lập báo cáo mới, nhưng không được nhận thêm kinh phí. Hội đồng nghiệm thu sẽ đánh giá lại, kinh phí nghiệm thu do chủ nhiệm chi trả.

b. Hoàn trả lại kinh phí đã được cấp. Mức hoàn trả do Hội đồng nghiệm thu đề xuất và Hiệu trưởng quyết định.

3. Giảng viên cơ hữu trong 02 năm liên tiếp (3 năm đối với cán bộ quản lý tham gia giảng dạy) không tham gia hoạt động KHCN&ĐMST thì hạn chế việc bố trí giảng dạy lý thuyết trình độ cao đẳng tại trường. Không được tham gia: cố vấn HSSV tham gia hoạt động KHCN&ĐMST; Hội đồng chấm các hoạt động về KHCN&ĐMST của HSSV ; Hội đồng báo cáo thực tập tốt nghiệp; Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KHCN&ĐMST các cấp do nhà trường quản lý. Không được xem xét trong việc khen thưởng, tăng lương, xét phong tặng các danh hiệu thi đua.

4. Cá nhân, tập thể vi phạm quy định các chế độ chính sách của Nhà nước trong hoạt động KHCN&ĐMST và Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với quy định này đều không còn hiệu lực.

2. Những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định sau khi có ý kiến tham vấn của Hội đồng Khoa học nhà trường.

3. Quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của nhà trường.

